

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN ĐHQGHN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

NGÀNH: NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC

CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC

ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU

MÃ SỐ: 60220204

*(Ban hành theo Quyết định số 4240 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 29 tháng 10 năm 2015
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Ngôn ngữ Trung Quốc

+ Tiếng Anh: Chinese Linguistics

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 60220204

- Tên ngành:

+ Tiếng Việt: Ngôn ngữ Trung Quốc

+ Tiếng Anh: Chinese Linguistics

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Trung Quốc

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in Chinese Linguistics

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Trung Quốc định hướng nghiên cứu đặt trọng tâm đào tạo vào việc bồi dưỡng kiến thức về phương pháp nghiên cứu, phát triển khả năng nghiên cứu độc lập, tư duy phê phán và hệ thống các kỹ năng nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng. Chương

trình đào tạo ra những nhà chuyên môn có kiến thức lý thuyết nâng cao về ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc và các khoa học có liên quan, có kiến thức mở rộng và cập nhật về ngôn ngữ - văn hóa Trung Quốc, có hiểu biết rộng về bối cảnh nghiên cứu và các vấn đề có liên quan như yêu cầu về đạo đức nghiên cứu, tính bảo mật thông tin, bản quyền, chủ quyền tác giả, đạo văn... để vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào việc nghiên cứu các vấn đề về ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc; có tính linh hoạt và có năng lực cơ bản (như khả năng giao tiếp, xác định và giải quyết vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề); có những kỹ năng hỗ trợ như kỹ năng giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc nhóm; hiểu biết về môi trường địa phương, trong nước hay quốc tế; có kiến thức về xã hội văn hóa rộng; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, có khả năng xây dựng và phát triển các hướng nghiên cứu mới, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.2. Các mục tiêu cụ thể:

Về kiến thức: Chương trình cung cấp kiến thức lý thuyết về ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc (lý thuyết ngữ pháp, ngữ nghĩa học, ngữ dụng học, ngữ âm học, phân tích diễn ngôn, v.v...) và các khoa học có liên quan (ngôn ngữ học đại cương, ngôn ngữ học ứng dụng, ngôn ngữ học đối chiếu, ngôn ngữ học xã hội, ngôn ngữ học tâm lý, v.v...), mở rộng và cập nhật kiến thức về ngôn ngữ và văn hoá Trung Quốc (giao tiếp giao văn hóa, tiếng Trung Quốc chuyên ngành, đất nước học, v.v...) để học viên tốt nghiệp vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào việc nghiên cứu các vấn đề về ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc. Chương trình còn cung cấp hệ thống các đường hướng, phương pháp, kỹ thuật, thủ thuật, thủ pháp và công cụ nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng.

Về kỹ năng: Chương trình phát triển hệ thống các kỹ năng nghiên cứu cụ thể, bao gồm kỹ năng xác lập mục tiêu, phạm vi nghiên cứu của đề tài, kỹ năng xây dựng phương pháp nghiên cứu, kỹ năng phát triển đề tài, kỹ năng thu thập và phân tích dữ liệu, kỹ năng truy cập thông tin, kỹ năng sử dụng phần mềm hỗ trợ nghiên cứu, kỹ năng thiết lập mạng lưới nghiên cứu và kỹ năng công bố sản phẩm nghiên cứu. Ngoài ra, chương trình còn phát triển các kỹ năng nghiên cứu cụ thể như kỹ năng xác định và giải quyết các vấn đề nghiên cứu, kỹ năng phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu của bản thân và của những nhà nghiên cứu khác, kỹ năng tổng hợp, báo cáo tiến độ và kết quả nghiên cứu một cách độc lập và có tư duy phê phán, kỹ năng quản lý nghiên cứu và quản lý thời gian nghiên cứu một cách có hiệu quả trong

việc đặt ra những mục tiêu nghiên cứu, mốc thời gian cho các hoạt động nghiên cứu cụ thể, cách viết các báo cáo khoa học theo chuẩn mực quốc tế.

Về nghiên cứu: Học viên tốt nghiệp có các phương pháp nghiên cứu phù hợp để độc lập thực hiện nghiên cứu các vấn đề về ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc: Các vấn đề về lý thuyết ngữ pháp tiếng Trung Quốc, ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc, ngữ dụng học tiếng Trung Quốc, ngôn bản tiếng Trung Quốc, đối chiếu ngôn ngữ Trung-Việt, giao tiếp giao văn hoá Trung-Việt và các vấn đề chuyên môn khác. Học viên tự định hình hướng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu để tiếp tục học tập và nghiên cứu xa hơn trong lĩnh vực Ngôn ngữ Trung Quốc, có khả năng phát triển các khái niệm lý thuyết, khả năng xây dựng và phát triển các đường hướng nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng mới phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội.

Về phẩm chất chính trị: Chương trình góp phần đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học của chuyên ngành có phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Học viên tốt nghiệp chương trình có nhận thức đầy đủ, đúng đắn về đạo đức nghiên cứu và về vai trò, trách nhiệm của người nghiên cứu đối với sự phát triển chung của xã hội.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh:

- Xét tuyển với các điều kiện theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Thi tuyển với các môn thi sau đây:

Môn thi cơ bản: Ngôn ngữ Trung Quốc

Môn thi cơ sở: Kỹ năng thực hành tiếng Trung Quốc

Môn Ngoại ngữ: Chọn một trong các ngoại ngữ Anh, Nga, Pháp, Đức, Nhật, Hàn, hoặc Ả Rập.

3.2. Đối tượng tuyển sinh:

Về văn bằng: Thí sinh cần có bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc hoặc ngành Sư phạm Tiếng Trung Quốc.

Về kinh nghiệm công tác: Không yêu cầu.

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

- Nắm được kiến thức nền tảng chung về triết học, kiến thức chung về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, nhân sinh quan chân chính tiến bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước.

- Nắm được kiến thức cơ bản về một ngoại ngữ thứ hai ở mức trình độ (bậc 3 theo Khung Năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

1.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành

- Làm chủ kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo; có tư duy phản biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo;

- Có kiến thức chuyên sâu và hệ thống về phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng; Nắm vững các đường hướng, phương pháp, kỹ thuật, thủ thuật, thủ pháp và công cụ nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng, các trường phái ngôn ngữ học như ngôn ngữ học cấu trúc, ngôn ngữ học cải biến - tạo sinh, ngôn ngữ học chức năng, ngôn ngữ học tri nhận, ...

- Nắm vững một cách có hệ thống, am hiểu một cách sâu sắc và chính xác về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển thuộc kiến thức cơ sở và chuyên ngành. Cụ thể:

Kiến thức cơ sở:

- Ngôn ngữ học đại cương;
- Ngôn ngữ học xã hội;
- Ngôn ngữ học tâm lý;
- Ngôn ngữ học đối chiếu;
- Giao tiếp liên văn hóa;
- Phương pháp luận nghiên cứu khoa học.

Ngoài ra, học viên có thêm kiến thức ngoại ngữ học thuật phù hợp với ngành Ngôn ngữ Trung Quốc.

Kiến thức chuyên ngành:

- Bản chất, chức năng và sự phát triển của ngôn ngữ Trung Quốc;
- Ngữ âm tiếng Trung Quốc;
- Từ vựng-ngữ nghĩa tiếng Trung Quốc;
- Ngữ pháp tiếng Trung Quốc;
- Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc;
- Đối chiếu ngôn ngữ Trung -Việt, v.v...;
- Văn học Trung Quốc và các nước nói tiếng Trung Quốc;
- Văn hóa các nước nói tiếng Trung Quốc;
- Giao thoa văn hóa các nước nói tiếng Trung Quốc về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị, giáo dục, v.v...

1.3. Yêu cầu đối với luận văn

Luận văn thạc sĩ trong chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc định hướng nghiên cứu là công trình khoa học thể hiện mức độ nắm vững các kiến thức chuyên môn về lý thuyết, thực hành và kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu của học viên trong việc giải quyết một vấn đề khoa học cụ thể thuộc lĩnh vực ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc.

Đề tài luận văn là một vấn đề khoa học cụ thể trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc, ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Trung Quốc hoặc đối chiếu ngôn ngữ được Tiểu ban Ngôn ngữ Trung Quốc của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ thông qua. Học viên thực hiện luận văn theo đề tài được giao dưới sự hướng dẫn của cán bộ được phân công.

Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ được tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập để xử lý đề tài nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả học tập và nghiên cứu của chính học viên thu được chủ yếu trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác. Luận văn phải thể hiện khả năng nghiên cứu độc lập, tư duy sáng tạo, tư duy phê phán, tinh thần trách nhiệm, tính trung thực, đạo đức nghiên cứu và niềm đam mê nghiên cứu của học viên.

Luận văn thạc sĩ chương trình đào tạo nghiên cứu có khối lượng khoảng 80 trang A4 (khoảng 20.000 từ), được chế bản theo mẫu quy định chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

Có kỹ năng vận dụng các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với ngành Ngôn ngữ Trung Quốc và mọi công việc phát sinh liên quan tới ngành Ngôn ngữ Trung Quốc với hiệu quả và tiến độ cao. Riêng về trình độ tiếng Trung Quốc, học viên có thể sử dụng tốt tiếng Trung Quốc ở bậc 5 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho người Việt Nam.

Có khả năng tương đối độc lập, sáng tạo phát hiện và giải quyết vấn đề khoa học: Có khả năng tự phát hiện và lựa chọn nghiên cứu các đối tượng khoa học thuộc các lĩnh vực ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc, đối chiếu ngôn ngữ Trung-Việt, giao thoa văn hóa, v.v...; Có khả năng tự xây dựng kế hoạch nghiên cứu và tự thực hiện nghiên cứu các đề tài khoa học trong các lĩnh vực nói trên.

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Trung Quốc theo định hướng nghiên cứu chú trọng khả năng tự nghiên cứu và sáng tạo khoa học. Chương trình đặt trọng tâm đào tạo vào việc phát triển hệ thống kỹ năng nghiên cứu cụ thể của học viên bao gồm các kỹ năng nghiên cứu chính và các kỹ năng hỗ trợ nghiên cứu.

Kỹ năng ngoại ngữ thứ hai: về trình độ ngoại ngữ thứ hai sử dụng trong chuyên môn, học viên tốt nghiệp có trình độ ngoại ngữ học thuật để thực hiện tốt các công việc:

- Đọc và hiểu được tài liệu khoa học thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng trình bày theo những dạng thức cơ bản trong văn phong khoa học;

- Viết đoạn văn, bài tóm tắt về những tài liệu khoa học thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng đã đọc;

- Viết những đoạn văn, bài luận học thuật trong chuyên môn thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng theo các dạng thức đã được học;

- Dịch viết xuôi, ngược một số câu, đoạn văn quan trọng, mấu chốt trong tài liệu khoa học thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng.

2.2. Kỹ năng bổ trợ

2.2.1. Kỹ năng cá nhân

- Có kỹ năng làm việc độc lập, chủ động với hiệu quả tối ưu để có khả năng sắp xếp thời gian, sức khỏe, công việc và điều kiện sinh hoạt một cách phù hợp nhất để thực hiện mọi nhiệm vụ học tập, nghiên cứu, công tác với chất lượng, số lượng và tiến độ cao nhất trong thực tiễn.

- Có khả năng hình thành, phát triển và duy trì mạng lưới nghiên cứu và các quan hệ nghiên cứu với cán bộ hướng dẫn, các học viên khác, đồng nghiệp trong các cơ sở đào tạo và nghiên cứu và trong các cộng đồng nghiên cứu.

2.2.2. Kỹ năng thuyết trình và tiếp nhận thông tin

- Có kỹ năng truyền đạt và tiếp thu kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v...

2.2.3. Kỹ năng giao tiếp

- Có kiến thức và kinh nghiệm thực hành một số kỹ năng vận dụng thực tế về văn hóa ứng xử, phép lịch sự trong giao tiếp, chiến lược giao tiếp, v.v... để gìn giữ và củng cố các quan hệ trong các bối cảnh giao tiếp khác nhau, đặc biệt là với cộng đồng nói tiếng Trung Quốc, và tạo dựng sự ủng hộ và tín nhiệm của cộng đồng xã hội theo cách có lợi nhất đối với công việc của mình.

- Giao tiếp được bằng ngoại ngữ tiếng Trung Quốc ở bậc 5 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho người Việt Nam.

- Có khả năng giao tiếp được bằng ngoại ngữ khác ở bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho người Việt Nam.

2.2.4. Kỹ năng công nghệ thông tin

- Sử dụng thành thạo các công cụ tin học như các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn; thành thạo trong việc tìm kiếm tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.

- Có kỹ năng tự tìm tòi và sử dụng các phần mềm hỗ trợ nghiên cứu.

- Có khả năng tiếp cận với các nguồn số hoá, đơn phương (web) và 2 chiều (email), giao tiếp từ xa...

2.3 Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.

3. Phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Tự tin, linh hoạt, sẵn sàng đương đầu với rủi ro; tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định về đạo đức; can đảm, quyết tâm hành động bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi.

- Có tinh thần dám nghĩ dám làm, tự tìm tòi sáng tạo trong việc áp dụng các phương pháp nghiên cứu mới.

- Hiểu biết về tác động của các hành vi của bản thân đối với các thành viên của cộng đồng nghiên cứu

- Biết lắng nghe, trao, nhận phản hồi của các thành viên trong cộng đồng nghiên cứu.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy; hành vi chuyên nghiệp, tự tôn dân tộc; say mê trong công việc, tích cực khám phá kiến thức, khám phá thực tiễn.

- Biết ứng xử tốt, thân thiện với đồng nghiệp, đoàn kết, hợp tác và cộng tác với đồng nghiệp;

- Trung thực trong quá trình thu thập, xử lý và công bố dữ liệu, số liệu nghiên cứu.

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Xác định được trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, có tư cách, tác phong đúng đắn của một công dân; có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, sống

và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước; có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc; có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học.

- Tuân thủ các yêu cầu và cam kết về đạo đức và trách nhiệm của người nghiên cứu đối với cộng đồng nghiên cứu và toàn xã hội.

4. Vị trí công tác học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

4.1. Những vị trí công tác học viên tốt nghiệp có thể đảm nhận

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Trung Quốc định hướng nghiên cứu có thể đảm nhận các vị trí công tác tại các cơ quan, viện nghiên cứu về các vấn đề có liên quan đến Ngôn ngữ Trung Quốc như cán bộ nghiên cứu khoa học ngành ngôn ngữ, ngôn ngữ học ứng dụng, nghiên cứu viên biên dịch, phiên dịch tiếng Trung Quốc tại các đơn vị trong và ngoài nhà nước; chuyên gia tư vấn thiết kế chương trình dịch thuật tự động; giáo viên tiếng Trung Quốc đảm trách nghiên cứu ở các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp; giảng viên tiếng Trung Quốc tại các học viện, các trường đại học và cao đẳng chuyên ngoại ngữ; giảng viên tiếng Trung Quốc chuyên ngành tại các học viện các trường đại học và cao đẳng; v.v... Đặc biệt, học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo này có năng lực và điều kiện tốt để học tập và nghiên cứu ở bậc cao hơn và đảm nhận các nhiệm vụ công tác chuyên sâu hơn, có khả năng thành lập nhóm nghiên cứu chuyên sâu, phát triển các hướng nghiên cứu mới mẻ và độc lập.

4.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Trung Quốc định hướng nghiên cứu có khả năng bắt kịp những tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong chuyên môn, phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên môn và đảm nhận nhiệm vụ nghiên cứu tiếng Trung Quốc vì những mục đích khoa học và ứng dụng chuyên biệt thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng nói chung và lĩnh vực ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc nói riêng. Có khả năng hướng dẫn khoa học các khoá luận tốt nghiệp cùng chuyên ngành; có khả năng tham gia các hội thảo, hội nghị khoa học cùng chuyên ngành trong nước và nước ngoài.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Tiếp tục nghiên cứu về lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn, khoa học ngôn ngữ (ngoại ngữ).

- Học tiếp lên chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Ngôn ngữ Trung Quốc.

6. Tài liệu tham khảo để xây dựng chương trình đào tạo (CTĐT)

- Chương trình đào tạo Cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN (Ban hành theo Quyết định số 1062/ĐHQGHN-ĐT, ngày 29 tháng 11 năm 2012).
- Chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Ngôn ngữ học và Ngôn ngữ học ứng dụng của Đại học Cát Lâm, Trung Quốc.
- Chương trình đào tạo Thạc sỹ ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Ngoại ngữ 3 năm 2013).
- Chương trình đào tạo Thạc sỹ ngành Ngôn ngữ Pháp của Trường Đại học Ngoại ngữ 3 năm 2013).
- Chương trình đào tạo Thạc sỹ ngành Ngôn ngữ Nga của Trường Đại học Ngoại ngữ 3 năm 2013).
- Chương trình đào tạo Thạc sỹ ngành Ngôn ngữ Nhật Bản của Trường Đại học Ngoại ngữ 3 năm 2013).
- Chương trình đào tạo Thạc sỹ ngành Ngôn ngữ Đức của Trường Đại học Ngoại ngữ 3 năm 2013).
- Chương trình đào tạo Thạc sỹ ngành/ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy ngữ 3 năm 2013).
- Chương trình đào tạo Tiến sỹ ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Ngoại ngữ 3 năm 2013).
- Chương trình đào tạo Tiến sỹ ngành/ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy ngữ 3 năm 2013).

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo:

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:	65 tín chỉ
- Khối kiến thức chung:	08 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	42 tín chỉ
- <i>Bắt buộc</i> :	21 tín chỉ
- <i>Lựa chọn</i> :	21 / 42 tín chỉ
- Luận văn:	15 tín chỉ

2. Khung chương trình:

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung	8				
1.	PHI5002	Triết học (Philosophy)	4	60	0	0	
2.	ENG5001	Ngoại ngữ cơ bản (*) (General Foreign Language)	4	30	30	0	
		Tiếng Anh cơ bản (General English)					
	RUS5001	Tiếng Nga cơ bản (General Russian)					
	FRE5001	Tiếng Pháp cơ bản (General French)					
	WES5001	Tiếng Đức cơ bản (General German)					
II		Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	42				
II.1		<i>Bắt buộc</i>	21				
3.	CHI6020	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Trung Quốc) (General Linguistics (Chinese))	3	45	0	0	PHI5002

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
4.	CHI6004	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Trung Quốc) (Contrastive Linguistics (Chinese))	3	45	0	0	
5.	CHI6003	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Research Methodology)	3	45	0	0	
6.	CHI6006	Ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc (Chinese Semantics)	3	45	0	0	
7.	CHI6008	Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc (Chinese Grammar)	3	45	0	0	
8.	CHI6011	Ngữ âm học tiếng Trung Quốc (Chinese Phonetics)	3	45	0	0	
9.	CHI6021	Ngữ dụng học (tiếng Trung Quốc) (Pragmatics (Chinese))	3	45	0	0	
II.2		Tự chọn	21/ 42				
10.	CHI6002	Ngôn ngữ học xã hội (tiếng Trung Quốc) (Sociolinguistics (Chinese))	3	45	0	0	
11.	CHI6005	Dẫn luận giáo dục học tiếng Trung Quốc (Chinese Language Education)	3	45	0	0	
12.	CHI6007	Ngôn ngữ học văn hoá Trung Quốc (Chinese Culture-Linguistics)	3	45	0	0	
13.	CHI6012	Văn học Trung Quốc (Chinese Literature)	3	45	0	0	
14.	CHI6013	Tiếp xúc ngôn ngữ Trung-Việt (Chinese-Vietnamese Language Contact)	3	45	0	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
15.	CHI6014	Kiểm tra - đánh giá trình độ tiếng Trung Quốc (Chinese Skill Testing)	3	45	0	0	
16.	CHI6015	Ngôn ngữ học tâm lý (tiếng Trung Quốc) (Psycholinguistics (Chinese))	3	45	0	0	
17.	CHI6009	Tu từ học tiếng Trung Quốc (Chinese Stylistics)	3	45	0	0	
18.	CHI6010	Tiếng Trung Quốc cổ đại (Ancient Chinese)	3	45	0	0	
19.	CHI6016	Nghiên cứu dịch thuật (tiếng Trung Quốc) (Translation Studies (Chinese))	3	45	0	0	
20.	CHI6022	Hán tự học (Chinese Characters)	3	45	0	0	
21.	CHI6023	Phương ngữ học (tiếng Trung Quốc) (Dialectology)	3	45	0	0	
22.	CHI6025	Phân tích Diễn ngôn (tiếng Trung Quốc) (Discourse Analysis (Chinese))	3	45	0	0	
23.	ENG6001 RUS6001 FRE6001 WES6001	Ngoại ngữ học thuật (Foreign Language for Academic Purposes) Tiếng Anh học thuật (Academic English) Tiếng Nga học thuật (Academic Russian) Tiếng Pháp học thuật (Academic French) Tiếng Đức học thuật (Academic German)	3	15	15	15	ENG5001 RUS5001 FRE5001 WES5001

<i>TT</i>	<i>Mã số học phần</i>	<i>Tên học phần</i>	<i>Số tín chỉ</i>	<i>Số giờ tín chỉ</i>			<i>Mã số các học phần tiên quyết</i>
				<i>Lý thuyết</i>	<i>Thực hành</i>	<i>Tự học</i>	
III	CHI7201	Luận văn thạc sĩ	15				
		Tổng cộng	65				

Ghi chú: (*) Học phần ngoại ngữ cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.